

Bản án số: 101 /2026/KDTM-ST

Ngày: 11-6-2026

V/v: Tranh chấp Hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9 - THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Hoàng Thị Thanh Mai

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Võ Thị Phụng

2. Bà Trương Thị Lệ Dung

- **Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Thành Vinh – Thư ký Tòa án nhân dân quận Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa:** Bà Đặng Thị Thu Hương – Kiểm sát viên

Ngày 11 tháng 6 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 53/2025/TLST-KDTM ngày 31 tháng 10 năm 2025 về việc “Tranh chấp Hợp đồng tín dụng” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 357/2026/QĐXXST-KDTM ngày 14 tháng 4 năm 2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 328/2026/QĐST-KDTM ngày 14 tháng 5 năm 2026 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ngân hàng thương mại cổ phần V; Địa chỉ: H L, phường Đ, Thành phố Hà Nội

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Đinh Phan Trà M; Địa chỉ: A L, phường G, Thành phố Hồ Chí Minh (theo Văn bản ủy quyền số 339/2026/UQN-KHDN ngày 01/4/2026)

- **Bị đơn:** Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T; Địa chỉ: 1 đường T, khu phố F, phường T, quận B nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh

Người đại diện theo pháp luật: Ông Lâm Xương B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 2 L, phường A, quận A nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

- **Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:** Ông Lâm Xương B, sinh năm: 1981; Địa chỉ: 2 L, phường A, quận A nay là Phường P, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Tại phiên tòa: đại diện nguyên đơn có mặt, bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025 và các lời khai tại Tòa án, nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V do bà Đinh Phan Trà M đại diện trình bày:

Ngân hàng thương mại cổ phần V (sau đây gọi là Ngân hàng) và Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T (sau đây gọi là Công ty T) ký kết Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024, có nội dung sau:

- Số tiền vay: 400.000.000 đồng
- Lãi suất cho vay trong hạn 18,8%/năm
- Thời hạn vay: 12 tháng.
- Mục đích cho vay: Bổ sung vốn lưu động cho Hoạt động sản xuất bao bì nhựa và sản phẩm ngành nhựa.
- Tài sản bảo đảm: Bảo lãnh bằng toàn bộ tài sản, vô điều kiện và không hủy ngang của ông Lâm Xương B theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024

Thực hiện hợp đồng, Ngân hàng đã giải ngân cho Công ty T theo Khế ước nhận nợ số 041224-5640187-ONL-3 ngày 04/12/2024, có nội dung: Số tiền vay là 399.465.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng tính từ ngày 04/12/2024 đến 04/12/2025, lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm giải ngân 18.8%/năm (lãi suất cố định suốt quá trình vay), lãi suất quá hạn là 150% lãi suất trong hạn.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T vi phạm nghĩa vụ trả nợ đến ngày 16/5/2025 Ngân hàng đã chuyển toàn bộ khoản vay sang quá hạn.

Nay Ngân hàng khởi kiện Công ty T thanh toán số tiền gốc còn nợ là 318.507.676 đồng và tiền lãi theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty T không thanh toán số tiền nêu trên thì yêu cầu ông Lâm Xương B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T theo các Hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh đã tổ chức phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hoà giải để cho các đương sự giải quyết tranh chấp trên, nhưng bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan đều vắng mặt nên Tòa án lập biên bản không tiến hành hoà giải được và đưa vụ án ra xét xử theo quy định.

Tại phiên tòa hôm nay:

- *Đại diện nguyên đơn trình bày:* Vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, cụ thể: Yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ của Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 tính đến ngày xét xử (ngày 11/6/2026) là 418.245.536 đồng, trong đó: tiền gốc là 318.507.676 đồng, nợ lãi là 99.513.240 đồng, lãi chậm trả 224.620 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong nợ. Yêu cầu thanh toán một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

Trường hợp Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị ông Lâm Xương B phải thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T theo các hợp đồng bảo lãnh đã ký với Ngân hàng.

- *Đại diện bị đơn:* Vắng mặt không có lý do.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Vắng mặt không có lý do.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh phát biểu ý kiến:*

+ *Về việc tuân theo pháp luật:* Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và đương sự đều tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử vào phòng nghị án theo quy định tại Điều 48, Điều 51, Điều 63, Điều 203, Từ Điều 239 đến Điều 267 Bộ luật tố tụng dân sự.

+ *Về nội dung vụ án:* Căn cứ các chứng cứ có trong hồ sơ được thẩm tra tại phiên tòa thể hiện: Ngân hàng và Công ty T ký kết Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 để vay số tiền 399.465.000 đồng. Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay trên theo Khế ước nhận nợ số 041224-5640187-ONL-3 ngày 04/12/2024. Ông Lâm Xương B bảo lãnh khoản vay trên theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng các bên đã ký kết. Trong trường hợp ông Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì đề nghị ông Lâm Xương B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh là có cơ sở nên đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, sau khi nghe phát biểu của đại diện Viện kiểm sát, sau khi nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án:

[1.1] Về quan hệ tranh chấp:

Xét Đơn khởi kiện đề ngày 18/9/2025 và Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 thể hiện giữa Ngân hàng và Công ty T có thỏa thuận ký kết hợp đồng tín dụng. Do Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện. Căn cứ khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử xác định quan hệ kinh doanh thương mại tranh chấp là “Tranh chấp hợp đồng tín dụng”.

[1.2] Về thẩm quyền giải quyết:

Căn cứ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0315602960 cấp lần đầu ngày 02/4/2019, thay đổi lần thứ 2 ngày 03/4/2024 của Công ty T có trụ sở tại số A đường T, khu phố F, phường T, quận B nay là phường T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35, điểm b khoản 1 Điều 40 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 1 Luật 85/2025/QH15 ngày 25/6/2025 của Quốc Hội về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Bộ luật tố tụng dân sự, Luật tố tụng hành chính, Luật tư pháp người chưa thành niên, Luật phá sản và Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án thì khi các bên

phát sinh tranh chấp, khởi kiện tại Tòa án thì Tòa án nhân dân Khu Vực 9 - Thành phố Hồ Chí Minh thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

[1.3] Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Xét, trong quá trình giải quyết, Tòa án đã thực hiện tổng đạt các văn bản tố tụng cho bị đơn (Công ty T) và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan (ông Lâm Xương B) theo quy định tại Điều 177, Điều 179 Bộ luật tố tụng dân sự nhưng đại diện Công ty T và ông B vẫn vắng mặt. Do vậy Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt Công ty T và ông B theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về các yêu cầu của các đương sự

Đại diện bị đơn và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan vắng mặt trong quá trình giải quyết cũng như tại phiên tòa hôm nay mặc dù đã được Tòa án thực hiện các thủ tục tổng đạt hợp lệ. Do đó, Tòa án căn cứ những chứng cứ, yêu cầu của phía nguyên đơn để xem xét giải quyết vụ án.

[2.1] Về yêu cầu thanh toán nợ gốc và nợ lãi:

Xét, Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 thể hiện sự thỏa thuận của các bên là hoàn toàn tự nguyện, hình thức và nội dung không trái với quy định pháp luật nên có hiệu lực từ thời điểm các bên giao kết hợp đồng theo quy định tại Điều 385 và Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015.

Xét, Khế ước nhận nợ số 041224-5640187-ONL-3 ngày 04/12/2024 thể hiện Ngân hàng đã giải ngân số tiền vay 399.465.000 đồng cho Công ty T.

Xét, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty T vi phạm nghĩa vụ thanh toán nên Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ tạm tính đến ngày 11/6/2026 là 418.245.536 đồng, trong đó: tiền gốc là 318.507.676 đồng, nợ lãi là 99.513.240 đồng, lãi chậm trả 224.620 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận tại hợp đồng tín dụng trên cho đến khi thanh toán xong nợ là phù hợp với quy định tại Điều 351, Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015, Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024 nên có căn cứ chấp nhận.

[2.2] Về thời hạn thanh toán:

Xét, Công ty T đã vi phạm nghĩa vụ thanh toán đối với Ngân hàng đến nay đã lâu, đã gây thiệt hại đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, do vậy Ngân hàng yêu cầu Công ty T thanh toán số tiền còn nợ một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật là có căn cứ chấp nhận.

[2.3] Về yêu cầu ông Lâm Xương B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh:

Xét, để đảm bảo khoản vay trên, ông Lâm Xương B cam kết thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024. Căn cứ Điều 117, Điều 335, Điều 401 Bộ luật Dân sự năm 2015 thì hợp đồng bảo lãnh trên có hiệu lực, phát sinh quyền và nghĩa vụ giữa các bên.

Xét Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024, các bên thỏa thuận phạm vi bảo lãnh, nghĩa vụ được bảo lãnh và thông tin bên được bảo lãnh như sau “*Bằng toàn bộ tài sản, uy tín và trách nhiệm của mình, Bên Bảo lãnh cam kết và đồng ý bảo lãnh vô điều kiện, không hủy ngang cho bên được bảo lãnh (Công ty T) trong việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi*

thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo lãnh đối với Ngân hàng phát sinh từ tất cả các Văn kiện tín dụng, gồm có:

a) Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 và

b) Thỏa thuận khung về cấp tín dụng số CLC-31949/5640187/TTK ngày 0/12/2024

c) Các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết hợp đồng này...”

Xét, trong trường hợp đến hạn thanh toán mà Công ty T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Ngân hàng yêu cầu Tòa án buộc ông Lâm Xương B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty T theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024. Căn cứ Điều 2 của Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024, Điều 336 Bộ luật Dân sự năm 2015 Hội đồng xét xử xét thấy yêu cầu của Ngân hàng là có cơ sở nên chấp nhận.

[3] Về án phí sơ thẩm:

Căn cứ Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì Công ty T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm trên số tiền phải thanh toán cho Ngân hàng là 418.245.536 đồng, tương ứng số tiền án phí là 20.729.821 đồng.

H lại cho Ngân hàng toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.710.491 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032548 ngày 29/10/2025 của Thị hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 30; điểm b khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; Điều 157, khoản 2 Điều 227, Điều 228, khoản 1, 3 Điều 228 và khoản 1 Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Căn cứ Điều 335, Điều 336 và Điều 466 Bộ luật Dân sự năm 2015; Căn cứ Điều 103 Luật các tổ chức tín dụng năm 2024; Căn cứ Khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

1. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Ngân hàng thương mại cổ phần V

1.1 Buộc Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T có nghĩa vụ thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần V số tiền còn nợ tính đến ngày 11/6/2026 là 418.245.536 đồng, trong đó: Nợ gốc là 318.507.676 đồng, nợ lãi là 99.513.240 đồng, lãi chậm trả là 224.620 đồng. Nợ lãi tiếp tục phát sinh kể từ ngày 12/6/2026 theo mức lãi suất các bên thỏa thuận trong Hợp đồng cho vay số CLC-31949-01 ngày 03/12/2024 cho đến khi thanh toán xong số tiền còn nợ.

1.2 Thời hạn thanh toán: Một lần ngay khi án có hiệu lực pháp luật.

1.3 Đến hạn thanh toán nợ mà Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T không thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ thì Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T có quyền yêu cầu ông Lâm Xương B thực hiện nghĩa vụ bảo lãnh trả nợ thay cho Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T theo Hợp đồng bảo lãnh số CLC-31949-5640187-C-01 ngày 03/12/2024.

1.4 Địa điểm thi hành: Tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

2. Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm:

- Công ty trách nhiệm hữu hạn Một thành viên T phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm là 20.729.821 đồng

- Hoàn lại cho Ngân hàng thương mại cổ phần V toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 8.710.491 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0032548 ngày 29/10/2025 của Thi hành án dân sự Thành phố Hồ Chí Minh.

Thi hành tại cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Quyền kháng cáo:

Đương sự có mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày Tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tính từ ngày nhận được bản án hoặc tổng đạt hợp lệ bản án.

Trong trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND TP.HCM;
- VKSND KV9-TPHCM;
- THADS TPHCM;
- Lưu VP, hồ sơ./.

**TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Hoàng Thị Thanh Mai